



yòu chóng

幼 虫

noun · larva

Example Sentences

Hú dié de yòu chóng shì máo mao chóng

蝴蝶的幼虫是毛毛虫。

The larva of a butterfly is a caterpillar.

Zhè xiē yòu chóng zhèng zài chī shù yè

这些幼虫正在吃树叶。

These larvae are eating leaves.

Trace each character, then write the word on your own.

幼	幼	幼	幼	幼	幼	幼	幼												
虫	虫	虫	虫	虫	虫	虫	虫	虫											